

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/DS-ST**  
Ngày 02/03/2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lý Thúy Hà

2. Bà Lý Thị Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 100/TLST-DS, ngày 05/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 07/12/2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn Trường Thi A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang,

\* *Bị đơn:* Chị **Ngô Thị Thu H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị **Tiêu Thị H**, sinh năm 1987; Thôn 12, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

*Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T và bị đơn – chị Ngô Thị Thu H có mặt, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Tiêu Thị H vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T quen biết chị Ngô Thị Thu H, trú tại thôn 02, xã L, thành phố T vì cùng làm chung Công ty Bảo hiểm Hàn Quốc, ngày 28/6/2019 Bà T có cho chị H vay của Bà T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), chị H có viết Giấy vay tiền, giấy vay thể hiện thời hạn chị H phải trả là 10 ngày, hai bên không thoả thuận lãi suất, đã quá 10 ngày, nhiều lần Bà T yêu cầu chị H trả cho Bà T nhưng chị H không trả được với lý do là chưa thu được tiền đóng bảo hiểm nên chưa có để trả vay cho Bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu Toà án

nhân dân thành phố T giải quyết buộc chị Ngô Thị Thu H phải trả số tiền là 111.200.000 đồng (Một trăm mười một triệu, hai trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi tính từ 09/7/2019 đến 09/9/2020 (14 tháng) là 11.200.000 đồng.

Tại bản tự khai và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án chị Ngô Thị Thu H khai: Chị H xác nhận chữ viết và chữ trong Giấy vay tiền ghi ngày 28/6/2019 mà Bà T giao nộp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của chị H. Do Bà T và chị cùng làm việc trong Công ty Bảo hiểm Hàn Quốc nên chị H có quen biết Bà T. Ngày 28/6/2019 chị H vay của Bà T 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), khi vay có viết giấy vay tiền với nội dung vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn trả là sau 10 ngày. Trong giấy vay tiền không ghi về việc thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế bà T tính lãi suất là 4%/tháng bằng 4.000.000 đồng trừ luôn vào tháng đầu tiên mà chị H phải trả lãi. Cùng ngày vay tiền của Bà T (28/6/2019) chị H cho chị Tiêu Thị H, trú tại thôn 12, xã K, thành phố T vay lại 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), chị H có viết giấy vay tiền với chị H. Do tính chất công việc làm ăn của công ty, nên chị H không trả được số tiền đã vay cho bà T đúng hạn 10 ngày được. Chị H và chị H có thỏa thuận là chị H phải có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) tiền gốc chị H đã vay của Bà T và tiền lãi hàng tháng theo hai bên đã thỏa thuận, mỗi lần chị H trả tiền cho Bà T đều có xác nhận với chị H. Ngày 01/9/2019 chị H đã chuyển khoản trả cho Bà T đủ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), chị H bảo bà T xé Giấy vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) do chị H viết đi, Bà T nói nói: “*Ừ bác cháu tin tưởng nhau*”. Chính vì tin bà nên chị H cũng không đòi lại giấy vay nữa. Thực tế vào ngày 01/9/2019, chị H đã chuyển khoản cho bà T 600.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) của chị H đã vay bà T, giữa chị H và chị H thỏa thuận chị H trả 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho bà T thay chị H (theo giấy vay tiền ngày 28/6/2019). Từ sau ngày 01/9/2019 đến tháng 6/2020, bà T cũng không đề cập gì đến khoản tiền chị H vay Bà T. Trước yêu cầu khởi kiện của Bà T chị H không nhất trí vì xác định khoản tiền trên đã được chị H chuyển khoản trả cho Bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Tiêu Thị H trình bày tại bản tự khai và phiên hòa giải tại Tòa án như sau: Ngày 28/6/2019, chị H có vay của chị Ngô Thị Thu H 100.000.000 đồng và viết Giấy vay tiền. Sau đó giữa chị H và chị H cùng thỏa thuận, chị H sẽ có trách nhiệm trả cho bà T (thay cho khoản chị H vay của bà T 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) vào ngày 28/6/2019), ngày 06/9/2019 chị H đã 04 lần chuyển khoản vào tài khoản số 34110000926147 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tuyên Quang tên Nguyễn Thị T, số chứng minh thư nhân dân 070763358, với tổng số tiền 600.000.000đ, trong đó có 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) chị H đã trả thay cho phần chị H nợ bà T, còn 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) là số tiền chị H khoản nợ khác mà chị vay Bà T trước đó, cụ thể số tiền là bao nhiêu chị H không nhớ. Chị H khẳng định đã trả 100.000.000đ thay cho chị H, còn nếu bà T không chấp nhận thì chị H sẽ khởi kiện bà T bằng một vụ án dân sự khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả hòa giải

không thành do các đương sự không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án, Bà T không nhất trí việc chị H và chị H trình bày vì lý do chị H hiện nay vẫn còn nợ tiền Bà T chưa trả hết, Bà T đã phải khởi kiện chị H ra Tòa án và đang được giải quyết tại tòa án nhân dân thành phố T, bà giữ nguyên yêu cầu chị H phải trả cho bà số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) chị H đã vay và yêu cầu chị H phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Chị H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà T vì xác định khoản tiền trên đã được chị H thanh toán.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu chị Ngô Thị Thu H trả cho bà tổng số tiền là 114.400.000đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 09/7/2019 đến ngày 09/01/2021, cụ thể  $100.000.000đ \times 0,8\% \times 18 \text{ tháng} = 14.400.000đ$  (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*); Về án phí: Bà Nguyễn Thị T đề nghị HĐXX giải quyết, chị Ngô Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà T đề nghị sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Huyện chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Chị Ngô Thị Thu H khai: Ngày 28/6/2019 có viết giấy vay của Bà T 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) với thời hạn trả tiền là sau 10 ngày, chị H xác nhận giấy vay tiền Bà T giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký chữ viết của chị H, khoản tiền này chị H vay hộ chị H vì lý do trước đó chị H đã vay của Bà T nhiều lần rồi nhưng chưa trả được nên Bà T không cho chị H vay nếu không có người khác đứng ra viết giấy vay tiền, chị H gọi điện nhờ chị H đứng ra viết giấy vay với Bà T hộ chị H, vì là bạn chơi với nhau nên chị H đã viết giấy vay của Bà T 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) rồi đưa cho chị H, cùng ngày 28/6/2019 chị H viết giấy vay chị H 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), chị H nhận trách nhiệm trả tiền gốc và lãi đối với khoản tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) chị H vay Bà T, việc thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ của chị H đối với khoản tiền chị H vay của Bà T là thỏa thuận riêng giữa chị H và chị H, và chị H đã trao đổi với Bà T, Bà T đã nhất trí nhưng chị H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc Bà T nhất trí với thỏa thuận đó. Chị H khẳng định chị H đã trả 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) mà chị H viết giấy vay với Bà T, chị H xác định chị sai lầm khi vì quá tin tưởng bạn là chị H nên đã viết giấy vay tiền của Bà T rồi cho chị H vay và không lấy lại giấy vay tiền đã viết cho Bà T khi chị H nói đã trả khoản tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho Bà T thay cho chị H.

Chị Tiêu Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời có Đơn đề nghị gửi Tòa án với nội dung xác định chị H có vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) của chị H do vậy chị H đã trả 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) mà chị H viết giấy vay của Bà T nhưng Bà T không chấp nhận nên chị xác định sẽ có trách nhiệm trả 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho chị

H, còn số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) đã trả cho Bà T thì chị H sẽ trừ vào các khoản nợ mà chị còn đang nợ Bà T.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Vụ án về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành của đương sự: Theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng.

Đại diện VKS không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục vấn đề gì về tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Ngô Thị Thu H phải thanh toán cho Nguyễn Thị T khoản nợ gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả với mức lãi suất là 0,8%/tháng x 14 tháng là 14.400.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*);

- Về án phí: Chị Ngô Thị Thu H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

- Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại thành phố T. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt theo giấy triệu tập của vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ của vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu chị Ngô Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà cả tiền gốc và lãi là Tổng



cộng cả gốc và lãi Bà T yêu cầu chị H phải trả là tổng số tiền là 114.400.000đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 09/7/2019 đến ngày 09/01/2021 là 14.400.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc vay tiền giữa Bà T và chị H được lập thành văn bản giấy vay tiền ngày 28/6/2019 mà Bà T giao nộp cho Tòa án, nội dung xác định: Ngày 28/6/2019 chị H vay của Bà T 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn trả là sau 10 ngày. Chị H xác nhận, chị có vay tiền của Bà T và chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền Bà T nộp cho Tòa án đúng là chữ ký chữ viết của chị H.

Do chị H vay của chị H 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nên giữa chị H và chị H có thỏa thuận chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho Bà T số tiền nợ gốc và lãi cho Bà T thay chị H. Bà T không nhất trí với ý kiến của chị Thủy và chị H với lý do khoản tiền chị H chuyển khoản cho bà là chị H trả nợ đã vay Bà T chứ không liên quan đến khoản nợ Bà T khởi kiện yêu cầu chị H phải trả. Căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp cho Tòa án, xét thấy trình bày của chị H và chị H về khoản tiền chị H vay Bà T đã được chị H thanh toán thay cho chị H chỉ là thỏa thuận riêng giữa chị H và chị H chứ không có sự nhất trí của Bà T, chứng từ chuyển khoản của chị H cho Bà T không xác định được nội dung chuyển khoản cho Bà T là khoản nợ nào trong khi chị H, chị H và Bà T đều khai chị H hiện nay vẫn đang nợ Bà T tiền (là khoản vay thực hiện trước khoản vay ngày 28/6/20219 mà chị H viết giấy vay với Bà T). Từ những cơ sở nêu trên xét thấy không đủ căn cứ để xác định chị H đã trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) cho Bà T thay chị H.

Theo quy định tại Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá quá 20%/năm và lãi suất chậm trả được xác định là 10%/năm. Như vậy, yêu cầu tính lãi suất chậm trả với mức lãi suất là 0,8%/tháng từ ngày 09/7/2019 đến ngày 09/01/2021 của Bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc đề nghị HĐXX buộc chị Ngô Thị Thu H thanh toán khoản tiền gốc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 09/7/2019 đến ngày 09/01/2021 là 14.400.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 114.400.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ngô Thị Thu H chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị Thu H không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Ngô Thị Thu H phải chịu 5.720.000đ (*Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí của vụ án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Ngô Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị T 114.400.000đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả là 14.400.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: chị Ngô Thị Thu H phải chịu 5.720.000đ (*Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T và bị đơn – chị Ngô Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/3/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Tiêu Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" /.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**Vương Thị Lan**

**HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vương Thị Lan**





**HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thúy Hà - Lý Thị Nhân**

**Vương Thị Lan**

**HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hà Hữu Bình - Lý Thị Nhân**

**Vương Thị Lan**



